

Số: 1083 /PC3I-TC

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 10 năm 2020

**GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA
QUÝ 3/2020 SO VỚI QUÝ 3/2019**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (MCK: PIC, sàn giao dịch: HNX) xin giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3/2020 so với Quý 3/2019 như sau:

1. Báo cáo tài chính tổng hợp

a. Báo cáo tài chính quý 3/2020

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3 năm 2020 : -3.839.730.841 đồng.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3 năm 2019 : -4.734.280.333 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3/2020 tăng so với quý 3/2019 là 894.549.492 đồng, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Quý 3/2020 (1)	Quý 3/2019 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	13.205.855.280	12.557.708.302	648.146.978	105,16%
- Doanh thu bán điện	13.205.855.280	12.557.708.302	648.146.978	105,16%
2. Giá vốn hàng bán	11.182.684.005	10.542.360.363	640.323.642	106,07%
- Chi phí bán điện	11.182.684.005	10.542.360.363	640.323.642	106,07%
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	2.023.171.275	2.015.347.939	7.823.336	100,39%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	267.739.412	89.559.140	178.180.272	298,95%
5. Chi phí tài chính	4.096.849.682	4.308.493.582	-211.643.900	95,09%
6. Chi phí bán hàng			0	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.033.791.846	2.428.601.660	-394.809.814	83,74%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-3.839.730.841	-4.632.188.163	792.457.322	82,89%
9. Thu nhập khác	0	211.284.184	-211.284.184	0,00%
10. Chi phí khác	0	211.284.184	-211.284.184	0,00%
11. Lợi nhuận khác	0	0	0	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-3.839.730.841	-4.632.188.163	792.457.322	82,89%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	102.092.170	-102.092.170	0,00%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	-3.839.730.841	-4.734.280.333	894.549.492	81,10%

b. Báo cáo tài chính lũy kế đến quý 3/2020:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế đến quý 3/2020 : -4.535.350.348 đồng.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế đến quý 3/2019 : 5.110.066.513 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế đến quý 3/2020 giảm so với lũy kế đến quý 3/2019 là 9.645.416.861 đồng, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Lũy kế đến quý 3/2020 (1)	Lũy kế đến quý 3/2019 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	44.930.555.356	58.738.613.353	-13.808.057.997	76,49%
- <i>Doanh thu bán điện</i>	<i>44.928.737.174</i>	<i>58.738.613.353</i>	<i>-13.809.876.179</i>	<i>76,49%</i>
2. Giá vốn hàng bán	31.203.061.336	32.893.062.269	-1.690.000.933	94,86%
- <i>Chi phí bán điện</i>	<i>31.203.061.336</i>	<i>32.893.062.269</i>	<i>-1.690.000.933</i>	<i>94,86%</i>
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	13.727.494.020	25.845.551.084	-12.118.057.064	53,11%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	794.637.307	377.727.329	416.909.978	210,37%
5. Chi phí tài chính	12.567.915.355	13.295.042.902	-727.127.547	94,53%
6. Chi phí bán hàng				
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.489.566.320	6.817.787.108	-328.220.788	95,19%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-4.535.350.348	6.110.448.403	-10.645.798.751	-74,22%
9. Thu nhập khác	166.768.000	4.289.162.658	-4.122.394.658	3,89%
10. Chi phí khác	166.768.000	4.289.192.658	-4.122.424.658	3,89%
11. Lợi nhuận khác		-30.000	30.000	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-4.535.350.348	6.110.418.403	-10.645.768.751	-74,22%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	1.000.351.890	-1.000.351.890	0,00%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	-4.535.350.348	5.110.066.513	-9.645.416.861	-88,75%

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh lũy kế đến quý 3/2020 giảm so với lũy kế đến quý 3/2019 như sau:

Thời tiết trong 9 tháng đầu năm 2020 tại khu vực tỉnh Quảng Trị và tỉnh Kon Tum khô hạn kéo dài rất bất thường so với cùng kỳ năm trước, lượng nước về NMTĐ Đăk Pône và NMTĐ Đa Krông 1 đều không đủ để vận hành hết công suất. Tổng sản lượng điện phát trong 9 tháng đầu năm 2020 là 32.953.059 kWh, chỉ đạt 71,12% sản lượng điện theo kế hoạch 9 tháng đầu năm 2020, tương đương 73,41% so với cùng kỳ năm 2019. Nhờ tăng giá bán điện bình quân nên doanh thu trong 9 tháng đầu năm 2020 đạt 76,49% so với cùng kỳ năm 2019 và đạt 72,36% so với kế hoạch 9 tháng đầu năm 2020, cụ thể như sau:

Nội dung	NMTĐ Đăk Pône		NMTĐ Đa Krông 1		Cộng	
	Doanh thu trước thuế (đồng)	Sản lượng điện (kwh)	Doanh thu trước thuế (đồng)	Sản lượng điện (kwh)	Doanh thu trước thuế (đồng)	Sản lượng điện (kwh)
1. 9 tháng đầu năm 2019	39.242.551.404	32.786.538	19.496.061.949	12.105.202	58.738.613.353	44.891.740
2. 9 tháng đầu năm 2020	29.623.243.107	24.710.938	15.305.494.067	8.242.121	44.928.737.174	32.953.059
3. Chênh lệch (2-1)	-9.619.308.297	-8.075.600	-4.190.567.882	-3.863.081	-13.809.876.179	-11.938.681
4. Tỷ lệ % tăng (+)/giảm (-) so với cùng kỳ 2019	-24,51%	-24,63%	-21,49%	-31,91%	-23,51%	-26,59%

Ngoài việc doanh thu bán điện sụt giảm do thời tiết khô hạn, đồng thời đây là năm thứ 3 NMTĐ Đa Krông 1 được đưa vào vận hành, lãi vay phải trả cho NMTĐ này chiếm chi phí đáng kể trong tổng chi phí nên lợi nhuận sau thuế TNDN giảm so với 9 tháng đầu năm 2019 là 9.645.416.861 đồng.

2. Báo cáo tài chính văn phòng Công ty

a. Báo cáo tài chính quý 3/2020

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3 năm 2020 : -1.683.180.281 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3 năm 2019 : -2.197.223.738 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3 năm 2020 tăng so với quý 3 năm 2019 là 514.043.457 đồng, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Quý 3/2019 (1)	Quý 3/2018 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	0		0	
2. Giá vốn hàng bán				
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	0		0	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	267.734.883	89.549.233	178.185.650	298,98%
5. Chi phí tài chính	53.414.470	1.598.428	51.816.042	3341,69%
6. Chi phí bán hàng				
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.897.500.694	2.183.082.373	-285.581.679	86,92%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-1.683.180.281	-2.095.131.568	411.951.287	80,34%
9. Thu nhập khác	0	211.284.184	-211.284.184	0,00%
10. Chi phí khác	0	211.284.184	-211.284.184	0,00%
11. Lợi nhuận khác				
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-1.683.180.281	-2.095.131.568	411.951.287	80,34%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	102.092.170	-102.092.170	0,00%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	-1.683.180.281	-2.197.223.738	514.043.457	76,60%

b. Báo cáo tài chính lũy kế đến quý 3/2020

- Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế đến quý 3/2020 : - 5.213.884.377 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế đến quý 3/2019 : - 6.591.846.071 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế đến quý 3/2020 tăng so với lũy kế đến quý 3/2019 là 1.377.961.694 đồng, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	9 tháng đầu năm 2019 (1)	9 tháng đầu năm 2018 (1)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	1.818.182		1.818.182	
2. Giá vốn hàng bán	0		0	
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	1.818.182		1.818.182	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	794.572.362	377.717.157	416.855.205	210,36%
5. Chi phí tài chính	58.279.938	7.218.428	51.061.510	807,38%
6. Chi phí bán hàng			0	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.951.994.983	5.961.962.910	-9.967.927	99,83%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-5.213.884.377	-5.591.464.181	377.579.804	93,25%

9. Thu nhập khác	166.768.000	4.289.162.658	-4.122.394.658	3,89%
10. Chi phí khác	166.768.000	4.289.192.658	-4.122.424.658	3,89%
11. Lợi nhuận khác	0	-30.000	30.000	0,00%
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-5.213.884.377	-5.591.494.181	377.609.804	93,25%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	1.000.351.890	-1.000.351.890	0,00%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	-5.213.884.377	-6.591.846.071	1.377.961.694	79,10%

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 kính báo cáo và cam kết nội dung giải trình trên là đúng sự thật.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT,TC, đăng web.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Lương Minh